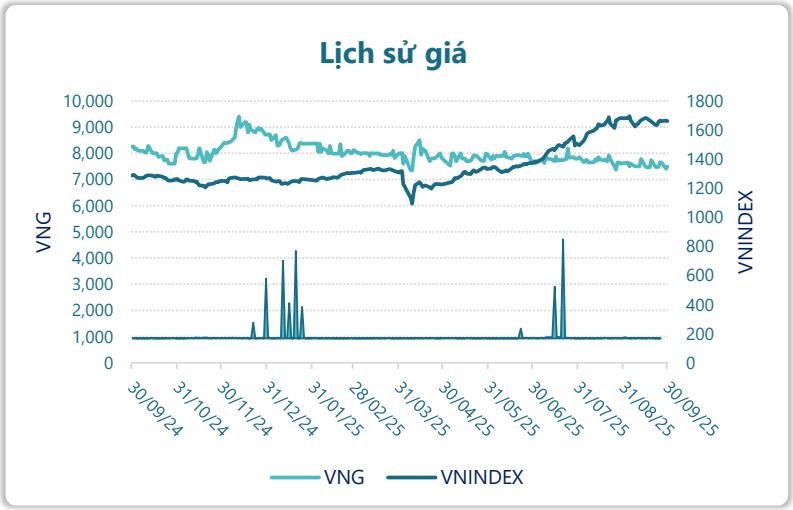
FireAnt

CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,490**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,410
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,350
SL cổ phiếu LH	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,075
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	729
P/E	97.4
EPS	77

DT thuần

Q3/25

180

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00| 1.5%

YoY: ▼5.00| -2.9%

LN sau thuế

Q3/25

59.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 110| 218%

YoY: ▲ 101| 243%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

67.8%

+/- YoY: ▲ 66.7%

DT thuần

9T 2025

507

tỷ VNĐ

YoY: ▼56.0| -10.0%

LN sau thuế

9T 2025

-34.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.90| 14.4%

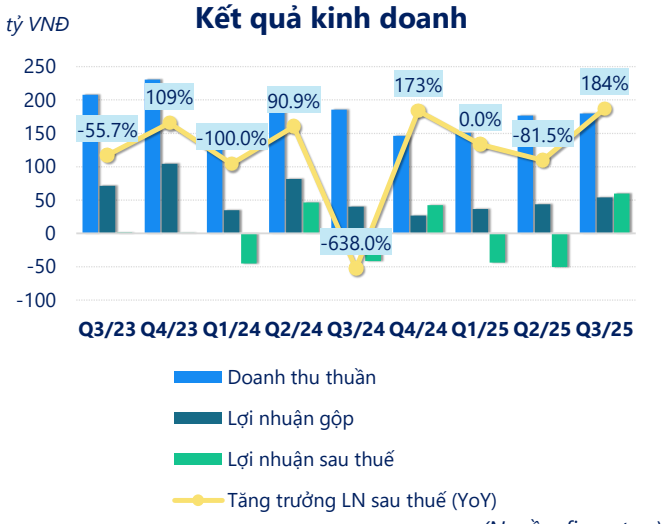
ROE

Q3/25

0.7%

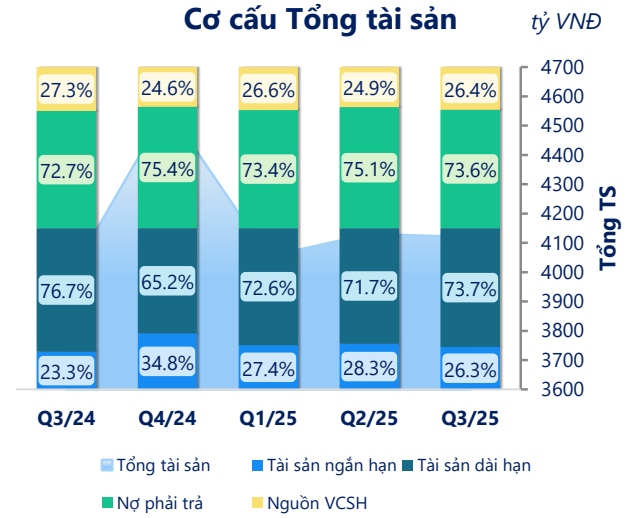
+/- YoY: ▲ 4.3%

Kết quả kinh doanh



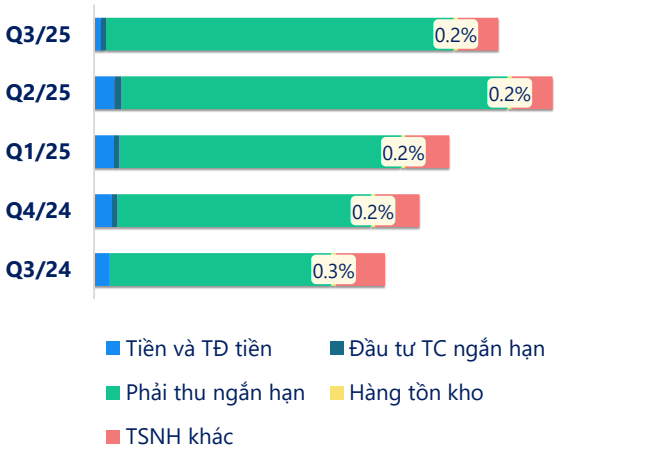
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



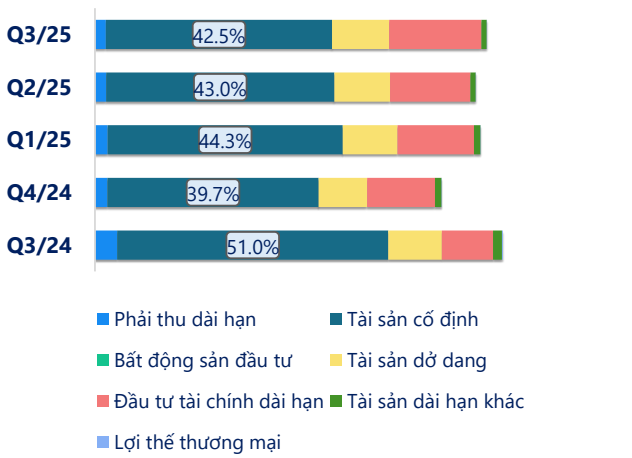
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



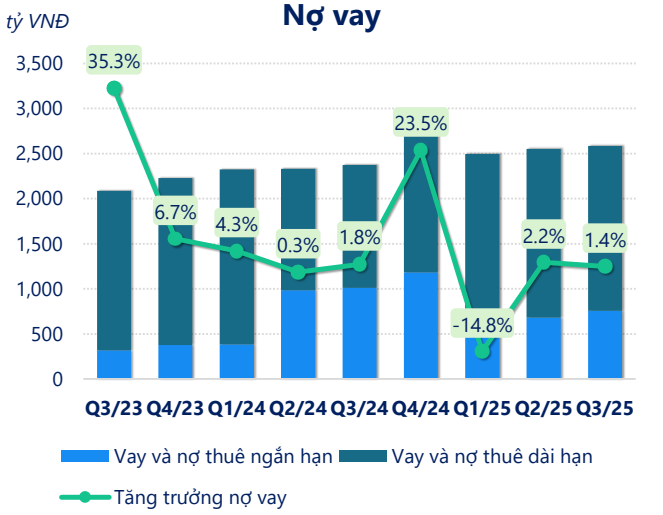
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



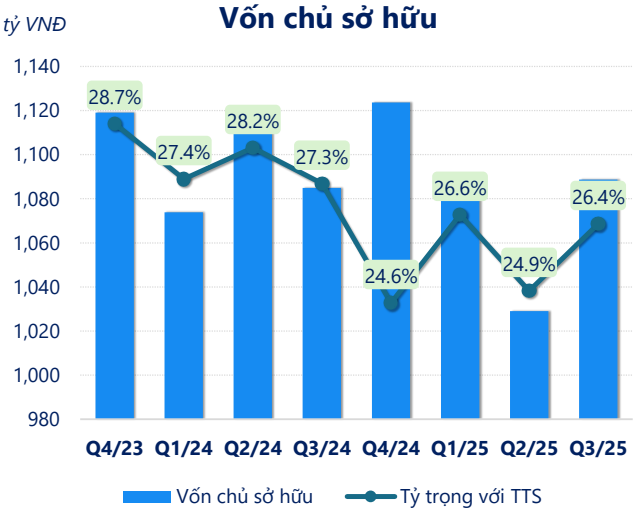
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



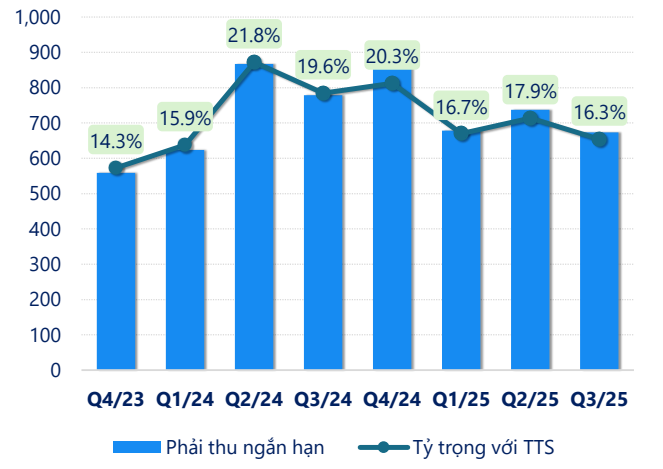
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



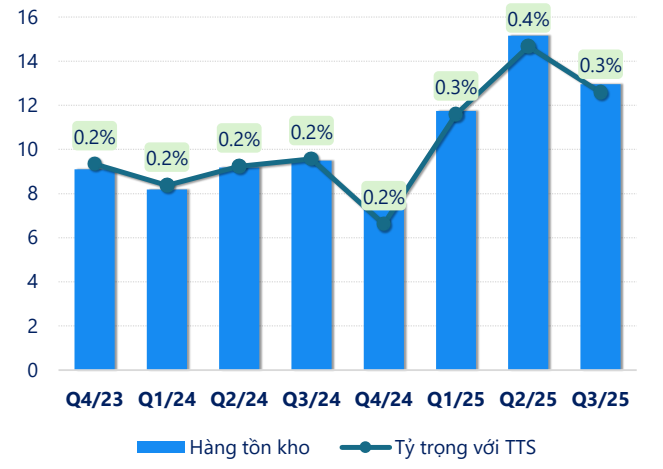
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



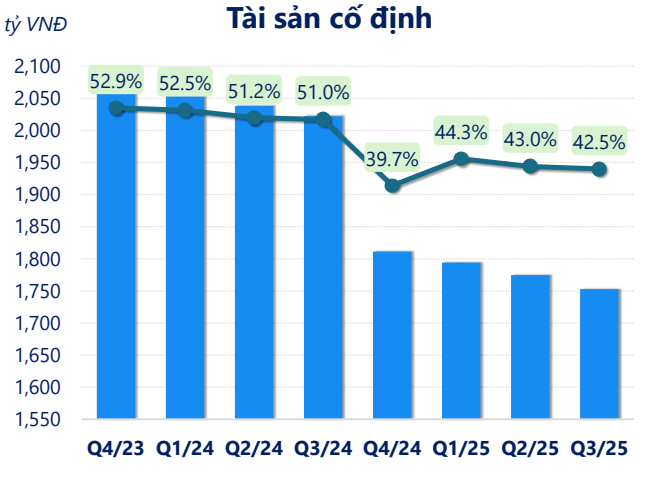
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



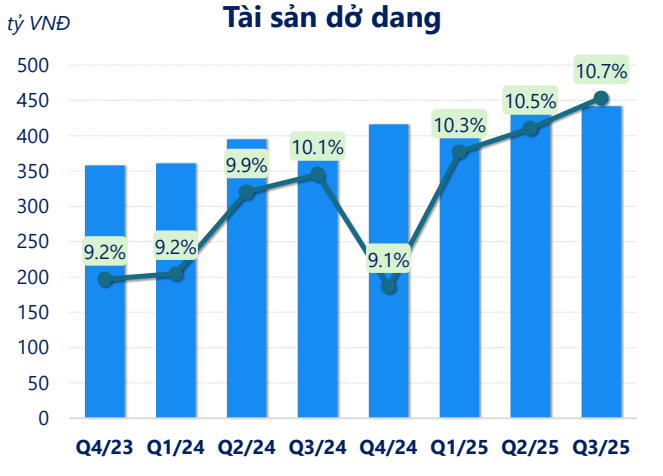
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



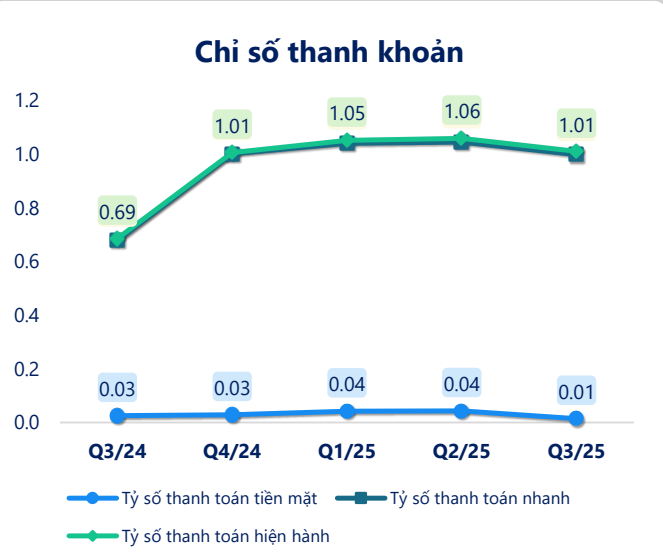
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



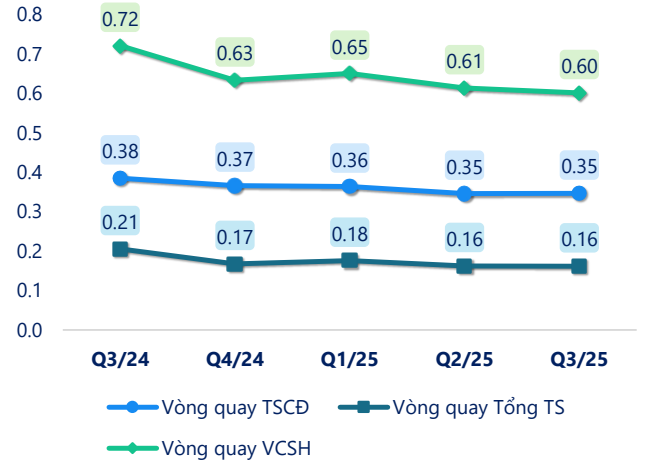
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**3,968**	**4,560**	**4,053**	**4,130**	**4,119**
Tài sản ngắn hạn	**924**	**1,585**	**1,111**	**1,170**	**1,082**
Tiền và tương đương tiền	33.9	45.2	44.4	47.8	15.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.0	512	282	269	281
Phải thu ngắn hạn	778	926	679	737	673
Hàng tồn kho	9.49	7.55	11.7	15.1	13.0
Tài sản ngắn hạn khác	90.5	94.5	94.6	100	99.9
Tài sản dài hạn	**3,044**	**2,975**	**2,942**	**2,961**	**3,037**
Phải thu dài hạn	166	107	95.9	86.3	84.7
Tài sản cố định	2,022	1,811	1,794	1,774	1,753
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	400	416	416	432	442
Đầu tư tài chính dài hạn	383	582	583	624	715
Tài sản dài hạn khác	65.4	56.7	51.1	42.4	42.1
Lợi thế thương mại	7.34	2.42	2.23	1.89	1.72
Nợ phải trả	**2,883**	**3,437**	**2,973**	**3,101**	**3,030**
Nợ ngắn hạn	**1,348**	**1,576**	**1,057**	**1,105**	**1,071**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,011	1,183	708	679	755
Phải trả người bán ngắn hạn	124	152	117	93.6	92.0
Nợ dài hạn	1,535	1,861	1,916	1,997	1,959
Vay và nợ thuê dài hạn	1,361	1,747	1,789	1,872	1,831
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,085**	**1,124**	**1,080**	**1,029**	**1,089**
Vốn chủ sở hữu	**1,085**	**1,124**	**1,080**	**1,029**	**1,089**
Vốn điều lệ	973	973	973	973	973
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)